

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2022/DS - ST
Ngày: 18 - 5 - 2022.
Về việc tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai.

Bà Ngô Thị Yên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Hiếu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 18/5/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 15/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST – DS ngày 20 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST – DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Ông Dương Bá C, sinh năm 1967. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973. Vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng có nơi cư trú: Thôn HT, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N: Ông Dương Bá C, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Thôn HT, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (Có lời khai ủy quyền).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Dương Bá C và bà Nguyễn Thị N: Bà Phạm Thu Chà, ông Nguyễn Văn Đại - Luật sư Công ty Luật TNHH Việt Phong. Có mặt luật sư Chà, vắng mặt luật sư Đại.

Bị đơn: 1. Bà Đào Thị L (M), sinh năm 1967. Có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Trịnh Danh P, sinh năm 1962. Có mặt tại phiên tòa.

Cùng có nơi cư trú: Thôn HL 3, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Danh P: Bà Đào Thị L (M), sinh năm 1967; Nơi cư trú: Thôn HL 3, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (Có lời khai ủy quyền).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vợ chồng ông C, bà N và vợ chồng bà L (còn có tên thường gọi là M), ông P là người ở cùng xã nên quen biết và cho nhau vay tiền. Các bên không có mâu thuẫn gì với nhau.

Về quan hệ cho nhau vay nợ các bên thống nhất: Ngày 24/6/2012, bà Đào Thị L có vay tiền của ông Dương Bá C và bà Nguyễn Thị N theo “Giấy vay tiền” ghi ngày 24/6/2012. Theo nội dung giấy vay tiền thể hiện: Ông C, bà N cho bà L vay số tiền 558.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi tám triệu đồng), không có thỏa thuận về lãi suất trong giấy nhận nợ. Thời hạn thanh toán nợ là ngày 24/7/2012.

Kể từ ngày đến hạn thanh toán theo “Giấy vay tiền” ghi ngày 24/6/2012, các bên chưa thanh toán cho nhau số nợ trên và cũng không có thỏa thuận nào khác về các vấn đề có liên quan đến số nợ.

Theo nguyên đơn là ông Dương Bá C và bà Nguyễn Thị N trình bày: Vợ chồng ông bà có cho bà L, ông P vay số tiền 558.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi tám triệu đồng) với thời hạn từ 24/6/2012 đến 24/7/2012, có lập giấy vay tiền ghi ngày 24/6/2012. Giấy vay tiền này có mẫu đánh máy sẵn và chữ viết tay điền các phần nội dung trong giấy vay tiền là do bà L tự tay viết để các bên cùng ký vào giấy vay tiền.

Từ ngày đến hạn thanh toán theo giấy vay tiền nói trên cho đến nay, bà L và chồng bà không thanh toán cho vợ chồng ông bà số nợ trên và cũng không gặp gỡ ông bà để thỏa thuận về khoản nợ. Do quá thời hạn trả tiền vay đã lâu nhưng bà L không trả nợ nên ông bà khởi kiện và đề nghị vợ chồng bà L, ông P phải thanh toán trả ông bà số tiền đã vay là: 558.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi tám triệu đồng) và tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa trả tạm tính đến ngày 01/02/2022 là: $558.000.000 \text{ đồng} \times 9,5\%/\text{năm}/365 \text{ ngày} \times 3.479 \text{ ngày (số ngày quá hạn)} = 504.733.320 \text{ đồng}$. Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi bà L, ông P phải thanh toán trả vợ chồng ông bà là: 1.062.733.320 đồng (Một tỷ, không trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi đồng).

Việc vay tiền của bà L, ông P và thậm chí các con ông P cũng biết nhưng họ không ký tên vào giấy vay tiền, ông bà không có chứng cứ cụ thể nào khác chứng minh nên ông bà tự nguyện chỉ yêu cầu bà L là người ký tên vào giấy vay tiền của vợ chồng ông bà có trách nhiệm trả nợ cho ông bà. Việc bà L trình bày vay tiền của

ông bà là vay hộ người khác, ông bà không biết mà chỉ biết cho bà L vay tiền thì bà phải có trách nhiệm thanh toán trả ông bà.

Về yêu cầu tính lãi của số tiền bà L còn nợ ông bà, do trong giấy vay nợ không ghi thỏa thuận về lãi và bà L khai về lãi suất thỏa thuận bên ngoài, ông bà xác định không có. Do vậy, ông bà tự nguyện rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền 558.000.000 đồng như đã tính trong đơn khởi kiện. Tuy nhiên, nếu bà L không thanh toán trả cho ông bà số tiền gốc mà theo quy định của pháp luật ông bà được hưởng việc tính lãi thì đề nghị Tòa án xem xét cho ông bà được hưởng theo quy định của pháp luật.

Bà L trình bày hoàn cảnh khó khăn nhưng thực tế gia đình bà mới xây nhà và con bà còn mua xe ô tô nhưng lại không trả nợ cho ông bà nên nếu thiện chí hòa giải bà L phải có lộ trình trả nợ cụ thể và tối đa chỉ trong vòng khoảng 06 tháng phải thanh toán hết nợ. Nếu bà L không muốn hòa giải theo lộ trình trên thì ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị N trình bày: Do bà bận công việc và điều kiện sức khỏe nên bà ủy quyền cho ông Dương Bá C chồng bà đại diện cho bà tham gia tố tụng giải quyết vụ án tại Tòa án. Mọi ý kiến, quan điểm của ông C cũng là của bà.

Bị đơn, bà Đào Thị L (tức M) trình bày: Bà có vay tiền của bà N, ông C vào khoảng năm 2011, 2012 nhưng vay làm nhiều lần và mỗi lần vay thường chỉ vay vài chục triệu. Lý do bà vay tiền ông C, bà N là vay hộ cho người quen và người trong gia đình nhưng không nhớ cụ thể là vay bao nhiêu tiền mỗi lần vì bà không được cầm giấy vay của từng lần cụ thể và không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ giữa bà với người bà vay hộ. Mỗi lần vay tiền, bà và vợ chồng ông C đều viết giấy vay tiền theo mẫu như tờ giấy vay tiền mà ông C, bà N nộp cho Tòa án. Do lâu ngày nên bà không nhớ được là mỗi lần viết giấy vay tiền thì bà viết hay ai viết nhưng bà đều có ký tên vào phần người vay. Do đi vay hộ người khác sử dụng và thời gian đã lâu nên bà không nhớ chính xác có thỏa thuận cộng tổng số nợ mỗi lần vài chục triệu thành tổng số tiền như thể hiện trong giấy vay tiền mà ông C nộp cho Tòa án hay không và cũng không nhớ cụ thể số lần, số tiền vay để cộng lại kiểm tra xem có khớp với số tiền trong giấy vay tiền mà ông C nộp cho Tòa án hay không.

Bà nhớ là việc vay tiền trên có thỏa thuận lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày nhưng là thỏa thuận miệng bên ngoài còn trong giấy vay không ghi thỏa thuận về lãi và khi trả lãi bà trả trực tiếp không có giấy tờ sổ sách ghi chép nên không có chứng cứ giao nộp cho Tòa án.

Đối với “Giấy vay tiền” ghi ngày 24/6/2012 do ông C giao nộp cho Tòa án, bà đã xem kỹ lại và xác định trong phần nội dung của giấy vay tiền thì phần số tiền viết bằng số và chữ ở phần “... Tôi có thân quen và vay của ông Dương Bá C –

Nguyễn Thị N số tiền là: 558.000.000 đồng, bằng chữ: Năm trăm năm tám triệu đồng” và phần “:...Người vay đã nhận đủ số tiền: (Năm trăm năm tám triệu đồng)...” giống chữ viết của bà còn phần viết bằng số sau phần “Người vay đã nhận đủ số tiền: (Năm trăm năm tám triệu đồng)...”: 558.000.000 đồng không giống chữ của bà. Về chữ ký, viết tên bà ở phần “người vay” bà nhận thấy giống chữ của bà nên không yêu cầu giám định đối với các chữ viết, chữ ký tên bà trong giấy vay tiền này.

Chồng bà là ông P không hề biết hay liên quan gì đến việc vay mượn tiền này. Toàn bộ việc vay tiền đều do một mình bà thỏa thuận, giao dịch, tiền vay sử dụng vào các việc không phải việc chung của gia đình nên việc vay nợ này hoàn toàn không liên quan gì đến ông P. Bà vay của ông C, bà N thì bà có trách nhiệm trả tuy nhiên người bà vay tiền hộ đã vỡ nợ, bỏ trốn nên bà không đòi được họ, gia đình bà cũng khó khăn nên chưa có điều kiện trả cho ông C, bà N. Bà đề nghị ông C, bà N không tính lãi với số tiền nợ gốc trên của bà. Bà đề xuất trả nợ dần mỗi tháng với mức 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi hết nợ còn nếu ông C, bà N không chấp nhận thì bà cũng không có khả năng thanh toán hơn.

Bị đơn ông Trịnh Danh P trình bày: Ông hoàn toàn không biết gì về việc vay nợ của vợ là bà Đào Thị L, không ký vào giấy tờ vay nợ, không thỏa thuận với người cho vay, không sử dụng tiền vay nên ông xác định ông không liên quan gì đến việc vay nợ trên. Nếu bà L có vay thì đó là khoản vay riêng của bà và bà phải tự chịu trách nhiệm trả, không liên quan đến ông. Ông nhớ có một lần bà L đi vắng có nhờ ông ra gặp bà N lấy hộ tiền và ký giấy vay tiền. Ông có hỏi thì bà L bảo cứ ký nhận đủ tiền về nên ông làm mà không hỏi thêm rồi về đưa tiền cho bà L. Ông nhớ số tiền đó là khoảng 30 triệu, ông có hỏi vợ vay tiền làm gì vì nhà không túng thiếu thì bà L bảo vay hộ. Do ông không liên quan đến việc vay tiền này nên đề nghị Tòa án không đưa ông tham gia tố tụng còn nếu cần ông ủy quyền toàn bộ cho vợ là bà Đào Thị L đại diện cho ông tham gia tố tụng giải quyết toàn bộ vụ án tại Tòa án. Mọi ý kiến quan điểm của bà L cũng là của ông.

Tại phiên tòa ông C, bà N do ông C đại diện vẫn giữ nguyên các ý kiến, quan điểm, yêu cầu đã trình bày tại Tòa án. Ông C xác định do ông P không ký vào giấy vay tiền và ông bà không có chứng cứ nào khác để chứng minh về việc ông P và các con ông bà cũng biết về việc vay mượn tiền của ông bà nên ông bà tự nguyện chỉ yêu cầu bà L phải có trách nhiệm trả nợ số tiền 558.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi tám triệu đồng) cho ông bà và rút yêu cầu tính lãi của số tiền trên kể từ ngày đến hạn thanh toán cho đến ngày xét xử còn sau khi xét xử theo quy định của pháp luật mà được tính lãi thì ông bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho ông bà. Về đề nghị của bà L thanh toán cho ông bà mỗi tháng

2.000.000 đồng tiền nợ, ông không đồng ý vì gần 10 năm nay ông bà không đòi nợ bà L vì nghĩ gia đình bà khó khăn nhưng gần đây gia đình bà xây nhà to đẹp, mua xe ô tô nhưng vẫn không trả nợ cho ông bà. Khi bà L vay tiền của ông bà chỉ nói là vay tiền lo việc gia đình mà không hề nói là vay hộ ai, ông bà chỉ giao tiền cho bà L và người nhà của bà nhưng không có căn cứ để xác định những lần giao tiền cho người nhà bà L nên ông bà đề nghị bà L phải có trách nhiệm trả nợ cho ông bà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C, bà N nhất trí với các ý kiến, đề nghị của ông C, bà N tại phiên tòa và đề nghị Tòa án: Buộc bà L phải có trách nhiệm thanh toán cho ông C, bà N số tiền 558.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi tám triệu đồng), không yêu cầu tính lãi kể từ ngày đến hạn thanh toán cho đến ngày xét xử nhưng sau khi xét xử theo quy định của pháp luật mà được tính lãi thì đề nghị Tòa án cho tính lãi để đảm bảo quyền lợi cho ông C, bà N. Bà L trình bày số tiền 558.000.000 đồng bao gồm khoản nợ gốc và lãi trong đó nợ gốc chỉ khoảng hơn ba trăm triệu nhưng tại phiên tòa tự bà thừa nhận bà hoàn toàn minh mẫn và đủ sức khỏe khi viết và ký vào giấy vay số tiền 558.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi tám triệu đồng) của ông C, bà N nên bà phải có trách nhiệm thanh toán số tiền này. Do ông P không ký vào giấy vay tiền nên không đề nghị ông P phải cùng trả nợ nhưng về đạo lý cũng mong ông P và gia đình ông hỗ trợ bà L trả nợ cho ông C, bà N.

Bà L trình bày: Từ khoảng năm 2011, 2012 bà nhiều lần vay tiền của ông C, bà N nhưng mỗi lần chỉ vay vài chục triệu, số tiền này bà vay hộ người khác, mỗi lần vay đều viết giấy vay tiền theo mẫu như ông C nộp cho Tòa án nhưng bà không giữ giấy này. Các khoản vay này đều có thỏa thuận lãi suất theo ngày nhưng không viết vào giấy vay tiền mà thỏa thuận bên ngoài và mỗi lần bà thanh toán lãi theo thời gian 10 ngày một lần cho đến khi trả nợ xong tuy nhiên bà không có giấy tờ hay người làm chứng về việc trả lãi để cung cấp cho Tòa án. Sau khi bà vay trả nhiều lần thì lần cuối bà vay khoảng hơn ba trăm triệu hộ cháu bà nhưng sau đó người bà vay hộ vỡ nợ bỏ trốn nên bà không trả được gốc lãi cho ông C, bà N. Ông C, bà N gọi bà đến nhà tính tổng số nợ gốc và lãi của số nợ hơn ba trăm triệu mà bà còn nợ tổng thành 558.000.000 đồng và yêu cầu bà viết giấy nhận nợ. Bà xác định bà có vay tiền nên đã viết giấy nhận nợ số tiền 558.000.000 đồng và ký tên như giấy vay tiền mà ông C, bà N đã nộp cho Tòa án. Số tiền bà vay không sử dụng vào việc gia đình như trong giấy viết và chồng con bà hoàn toàn không biết việc này nên không liên quan nên bà vay thì bà có trách nhiệm trả nợ. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ bà vay hộ tiền ông C, bà N cho người khác trong vụ án này.

Ông P trình bày: Ông chỉ có một lần duy nhất đến nhà ông C, bà N lấy hộ bà L số tiền vay khoảng 30 triệu đồng do bà L đi vắng nên nhờ ông đến lấy. Ông có

hỏi bà L về số tiền vay này vì gia đình ông không túng thiếu thì bà L bảo đi vay hộ nên ông không quan tâm nữa. Ông không vay tiền của ông C, bà N và số tiền bà L vay của ông C, bà N không sử dụng cho gia đình ông bà nên ông chịu trách nhiệm trả số nợ này mà bà L vay thì bà L trả.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa sau khi nhận xét, đánh giá quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và sự chấp hành pháp luật của các đương sự đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Bá C, bà Nguyễn Thị N đối với bà Đào Thị L (tức M) về yêu cầu đòi tiền theo giấy vay tiền. Bà L phải có trách nhiệm trả số tiền 558.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi tám triệu đồng) cho ông C, bà N.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi của ông Dương Bá C, bà Nguyễn Thị N.

Về án phí: Bà Đào Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục:

Bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà đã có lời khai ủy quyền cho ông Dương Bá C là chồng bà đại diện nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử và giành quyền kháng cáo cho bà theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ vay nợ giữa ông Dương Bá C, bà Nguyễn Thị N với bà Đào Thị L (tức M):

Ông Trịnh Danh P là bị đơn có ý kiến xác định số tiền ông C, bà N cho bà L (tức M) vợ ông vay là khoản cho nhau vay riêng, ông không biết, không liên quan, không sử dụng tiền vay và đề nghị Tòa án không đưa ông tham gia tố tụng trong vụ án này. Trong “Giấy vay tiền” ghi ngày 24/6/2012, có ghi tên ông Trịnh Danh P là chồng bà L nhưng ông P không ký tên vào phần người vay và chữ viết trong giấy vay tiền cũng không phải là của ông P. Hơn nữa, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án các đương sự đã thống nhất: Số nợ theo “Giấy vay tiền” ghi ngày 24/6/2012 là bà L vay của ông C, bà N không liên quan đến ông Trịnh Danh P - chồng bà L nên ông P không phải có trách nhiệm trả nợ số tiền trên. Thỏa thuận trên của các đương sự phù hợp với ý chí của các bên có liên quan, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không vi phạm pháp luật và đạo đức nên ghi nhận sự thỏa thuận này là phù hợp

Các đương sự thống nhất thừa nhận: Ngày 24/6/2012, bà Đào Thị L có vay tiền của ông Dương Bá C và bà Nguyễn Thị N theo “Giấy vay tiền” ghi ngày 24/6/2012. Theo nội dung giấy vay tiền thể hiện: Ông C, bà N cho bà L vay số tiền 558.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi tám triệu đồng), không có thỏa thuận về lãi suất trong giấy nhận nợ. Thời hạn thanh toán nợ là ngày 24/7/2012. Kể từ ngày đến hạn thanh toán theo “Giấy vay tiền” ghi ngày 24/6/2012 thể hiện, các bên chưa thanh toán cho nhau số nợ trên cũng không có thỏa thuận nào khác về các vấn đề có liên quan đến số nợ.

Bà L xác định có những nội dung được viết bằng tay trong “Giấy vay tiền” ghi ngày 24/6/2012 giống chữ của bà và có những nội dung không phải chữ của bà nhưng các nội dung về số tiền vay cũng như chữ ký ở phần người vay là của bà nên bà không yêu cầu giám định đối với chữ viết, chữ ký trong tài liệu là “Giấy vay tiền” ghi ngày 24/6/2012. Mặc dù, có những ý kiến về chữ viết trong giấy vay tiền nhưng bà L thừa nhận chữ viết về số tiền đã vay của ông C, bà N trong giấy vay tiền là giống chữ bà và không yêu cầu giám định. Bà L có trình bày ý kiến xác định số tiền 558.000.000 đồng bà ghi trong giấy vay tiền đã bao gồm cả số nợ gốc khoảng hơn ba trăm triệu và tiền lãi của số tiền này từ khi vay cho đến thời điểm viết giấy nhận nợ mà chưa trả được nên ông C, bà N cộng lại và bắt bà phải nhận nợ. Tuy nhiên ngoài lời khai bà L không có tài liệu, chứng cứ hay nhân chứng để xác định lời khai này của bà là có căn cứ. Hơn nữa chính bà L cũng thừa nhận số tiền nợ ông C, bà N là 558.000.000 đồng và chưa trả nợ cho ông C, bà N. Do vậy, xác định bà L (tức M) là người vay nợ của ông C, bà N số tiền 558.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi tám triệu đồng) và các bên chưa trả nợ cho nhau nên bà L phải có trách nhiệm thanh toán số nợ này cho ông C, bà N là phù hợp.

Bà L xác định số tiền bà vay ông C, bà N là vay hộ người khác nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ giữa bà và người bà vay hộ trong vụ án này nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ông C, bà N tự nguyện chỉ yêu cầu bà L có trách nhiệm thanh toán cho ông C, bà N số tiền nợ gốc theo “Giấy vay tiền” ghi ngày 24/6/2012 là: 558.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi tám triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi của số tiền nợ này kể từ ngày đến hạn thanh toán theo giấy nhận nợ cho đến ngày xét xử là sự tự nguyện của ông bà và phù hợp pháp luật nên ghi nhận. và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi trong đơn khởi kiện của ông C, bà N là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dương Bá C và bà Nguyễn Thị N được chấp nhận toàn bộ yêu cầu đòi nợ đối với bà Đào Thị L nên không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 13.160.000 đồng (Mười ba triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng) đã

nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/004xxxx ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

Bị đơn bà Đào Thị L phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ phải thanh toán cho ông Dương Bá C và bà Nguyễn Thị N là: 20.000.000 đồng + (558.000.000 đồng – 400.000.000 đồng) x 4% = 26.320.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng) để sung ngân sách nhà nước.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 280, Điều 290, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Luật Thi hành án dân sự.

- Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Bá C và bà Nguyễn Thị N đối với bà Đào Thị L (tức M).

Bà Đào Thị L có trách nhiệm thanh toán cho ông Dương Bá C và bà Nguyễn Thị N số tiền 558.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều

9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi của số tiền nợ theo “Giấy vay tiền” ghi ngày 24/6/2012 kể từ ngày đến hạn thanh toán cho đến ngày xét xử của ông C, bà N.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Bá C và bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 13.160.000 đồng (Mười ba triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/004xxxx ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

Bà Đào Thị L phải chịu 26.320.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Chi cục THA dân sự huyện Đông Anh;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thanh

